

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hương;

2. Bà Trần Thị Kim Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Bùi Thị Thực – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** bà Phạm Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị Q, sinh năm 1996. Địa chỉ đăng ký thường trú: thôn N, xã G, huyện N (nay là xã G), tỉnh Ninh Bình. Nơi đang sinh sống: 103 Edogawadai, B-ru 1-10-26, N, K, C, Nhật Bản. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện nhận văn bản tố tụng và giao nộp tài liệu chứng cứ theo ủy quyền của chị Phạm Thị Q: chị Nguyễn Khánh H, sinh năm 2003 và chị Hoàng Phương L, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: số C, ngõ A N, Y, quận C (nay là phường Y), thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2024).

2. Bị đơn: anh Dương Văn D, sinh năm 1995. Nơi cư trú cuối cùng: thôn N, xã G, huyện N (nay là xã G), tỉnh Ninh Bình. Hiện nay anh Dương Văn D đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ cụ thể. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Dương Văn D kết hôn với nhau ngày 12/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị có cuộc sống hoà thuận. Ngày 03/02/2020 anh D sang Nhật Bản làm việc. Kể từ khi anh D sang bên Nhật Bản làm việc, anh chị ít liên lạc với nhau hơn. Ngày 29/5/2022, chị Q cũng sang Nhật Bản sinh sống và làm việc.

Đến khoảng tháng 12 năm 2022, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm thì cuộc sống của anh chị vẫn không tiến triển tốt. Kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay, chị và anh D sống ly thân, mỗi người một nơi và không còn liên lạc với nhau nữa. Anh chị đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn D.

Về con chung: anh chị có 01 con chung, cháu tên là Dương Ngọc Minh T, sinh ngày 19/5/2018. Hiện nay, cháu T đang ở cùng với bố mẹ chị. Chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do chị đang ở nước ngoài nên đề nghị Tòa án tạm giao cháu T cho bố mẹ chị là ông Phạm Văn Đ và bà Mai Thị D1 tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi chị về Việt Nam.

Về cấp dưỡng: chị không đề nghị anh D cấp dưỡng cho cháu T hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Dương Văn D:

Tại Công văn số 192/XNC(Đ1) ngày 24/3/2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh N cung cấp như sau: anh Dương Văn D đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1, thành phố Hà Nội vào ngày 28/02/2025. Hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho thân nhân của anh D và niêm yết công khai: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời Tòa án đã thông báo trên kênh VOV5 Đ1, trên B1, trên cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh D đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q. Anh D không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 24/7/2025 thể hiện: cháu T có nguyện vọng xin được ở với mẹ để thuận tiện trong việc học tập và mẹ chăm sóc tốt hơn.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/6/2025 bà Dương Thị L1 là mẹ đẻ của anh Dương Văn D cung cấp như sau: ông Nguyễn Hữu G (chồng bà L1) đã chết. Về địa chỉ cụ thể của anh Dương Văn D đang ở nước ngoài và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh D thì bà không biết.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/6/2025, Ủy ban nhân dân xã G như sau: hiện nay anh Dương Văn D không có mặt tại địa phương. Chị Q và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 12/01/2017. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh D thì địa phương không nắm được. Anh D và chị Q có 01 con chung là cháu Dương Ngọc Minh T.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/6/2025, Công an xã G như sau: hiện nay anh Dương Văn D không có mặt tại địa phương, không rõ thời điểm trở về.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 37, 40, 147, 227, 228, 469, 470, 471, 474, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. Cho chị Q ly hôn anh D. Về con chung: giao cháu Dương Ngọc Minh T, sinh ngày 19/5/2018 cho chị Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác; trong thời gian chị Q đang ở nước ngoài tạm giao cháu T cho ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Mai Thị D1, sinh năm 1974 tại địa chỉ: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T đến khi chị Q về Việt Nam. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là anh Dương Văn D không có mặt tại Việt Nam; anh D đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. Trước khi xuất cảnh, nơi cư trú cuối cùng của anh D là: thôn N, xã G, huyện N (nay là xã G), tỉnh Ninh Bình. Nguyên đơn là chị Q có đăng ký thường trú tại tỉnh Ninh Bình, đang sinh sống ở Nhật Bản.

Tại khoản 1 Điều 59 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Tòa án nhân dân khu vực có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết sơ thẩm vụ án theo quy định của luật.

Theo Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019, năm 2020, năm 2022, năm 2023, năm 2024, năm 2025) quy định như

sau: Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp quy định tại các điều 28...của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên tại Điều 4 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: kể từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền....sơ thẩm vụ việc dân sự mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong.

Do đó, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[1.2] Chị Q có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh D mà không cung cấp được địa chỉ của anh D ở nước ngoài. Tòa án đã gửi cho thân nhân của anh D và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa ngày 11/8/2025. Tại phiên tòa ngày 11/9/2025, anh D tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Bà Dương Thị L1 là mẹ đẻ của anh D xác nhận về địa chỉ cụ thể của anh Dương Văn D đang ở nước ngoài thì bà không biết. Mặc dù Tòa án đã đề nghị bà L1 thông báo cho anh D biết về yêu cầu khởi kiện của chị Q nhưng anh D không có ý kiến gì; thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 464, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh D được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã G. Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Q và anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị Q và anh D sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã vi phạm quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, cho chị Q được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Q và anh D có 01 con chung, tên cháu là Dương Ngọc Minh T, sinh ngày 19/5/2018. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giao trực tiếp cháu T cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Chị Q đang làm việc tại Nhật Bản. Hiện nay, cháu T đang ở cùng ông Phạm Văn Đ và bà Mai Thị D1 (ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo lời trình bày của ông Đ bà D1: chị Q đang lao động tại Nhật Bản, có thu nhập ổn định, chị Q có nhờ ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, hàng tháng chị Q có gửi tiền về cho ông bà để ông bà đóng tiền học và nuôi dưỡng cháu T. Ông bà đồng ý tiếp tục chăm sóc cháu T cho đến khi chị Q về Việt Nam.

Xét thấy: anh D đã xuất cảnh ra nước ngoài, không biết anh D đang làm gì, sinh sống tại địa chỉ cụ thể nào ở nước ngoài. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh D không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Q. Chị Q có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu T xin được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu T và đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu; Tòa án chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu T của chị Q là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian chị Q chưa về Việt Nam, cần tạm giao cháu T cho ông Đ bà D1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi chị Q về Việt Nam.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh D.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: chị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về lệ phí đăng tin: nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.750.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 464, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019, năm 2020, năm 2022, năm 2023, năm 2024, năm 2025). Khoản 1 Điều 59 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Q và anh Dương Văn D được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Q và anh Dương Văn D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Dương Ngọc Minh T, sinh ngày 19/5/2018 cho chị Phạm Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Dương Ngọc Minh T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chị Phạm Thị Q ở nước ngoài, chưa về Việt Nam; tạm giao cháu Dương Ngọc Minh T cho ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Mai Thị D1, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn H, xã N, huyện N (nay là xã N), tỉnh Thanh Hóa (là ông bà ngoại của cháu Dương Ngọc Minh T) tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Ngọc Minh T cho đến khi chị Phạm Thị Q về Việt Nam.

Anh Dương Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Phạm Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000091 ngày 13/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh N); chị Phạm Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Phạm Thị Q và anh Dương Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm - TANDTC;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GD, KT, TT & THA;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Tường, tỉnh Ninh Bình (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Bà Dương Thị Lịch;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng

